

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2020.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Việt Hoài;
2. Bà Lê Thị Sinh Chi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2019 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thanh L, sinh năm 1997

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13, phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Đường L, tổ 35, phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần H, sinh năm 1988

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 13, phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2019, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Trần Thanh L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Trần H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2017 tại UBND phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần chị bị anh H đánh. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng không thay đổi được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến ngày 05/12/2018 chị bị anh H đánh và đuổi đi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Vì vậy, anh đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần H.

Chị và anh H có 01 con chung là Trần Phương P, sinh ngày 12/7/2017, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con vì con chưa tròn 36 tháng tuổi và là con gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Hiện nay chị là giáo viên trường Mầm non H, thành phố T, thu nhập bình quân 5.500.000đ/tháng, chị đang ở nhà bố mẹ đẻ, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con. Còn anh H là lao động tự do thu nhập từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng.

Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là anh Trần H trình bày:

Anh và chị Trần Thanh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2017 tại UBND phường D, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Tuy nhiên, đến tháng 4/2019 mâu thuẫn thực sự căng thẳng do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, anh có đánh và đuổi chị Lâm, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, có một vài lần anh nói chị L quay về chung sống nhưng chị L không đồng ý. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L, anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp chị L kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị L có 01 con chung là Trần Phương P, sinh ngày 12/7/2017, hiện đang ở cùng chị L, anh không đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con và anh phải cấp dưỡng cho con, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh là lao động tự do, thu nhập khoảng 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

*) Bà Vũ Thị N (mẹ đẻ chị Trần Thanh L) trình bày:

Trong quá trình chung sống, chị L và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi mà ngày càng trầm trọng. Ngày 05/12/2018, chị L bị anh H đánh và đuổi đi nên chị L và con đã về nhà bà sinh sống cho đến nay, chị L và anh H cũng ly thân từ đó. Bà thấy giữa chị L và anh H khó có khả năng đoàn tụ, từ khi ly thân anh H chưa một lần đến thăm con và đón chị L về. Nay chị L xin ly hôn anh H bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L và anh H có 01 con chung như anh chị đã trình bày, từ khi chị L và con về nhà bà sinh sống thì gia đình bà đã hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con. Đề nghị Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng vì con còn nhỏ, gia đình bà cam kết sẽ hỗ trợ tối đa chị L trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con.

Về tài sản của chị L và anh H gia đình bà không nắm được.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị L và anh H cư trú cung cấp nội dung như sau:

Sau khi kết hôn, chị L và anh H sinh sống cùng gia đình anh H tại tổ 13, phường D, thành phố T. Mâu thuẫn giữa chị L và anh H là có thật và thực sự trầm trọng như anh chị trình bày, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, chị L về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị L xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị L và anh H có 01 con chung như anh chị đã trình bày, hiện tại anh H làm nghề bốc rập thuê và bán bánh mỳ, còn chị L là giáo viên trường mầm non, cả hai người đều có thu nhập và có điều kiện nuôi con. Đề nghị Tòa án xem xét đến điều kiện cụ thể của từng người, ai đảm bảo về mọi mặt cho con chung tốt hơn thì giao cho người đó. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản của chị L và anh H thì địa phương không nắm được.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thanh L được ly hôn anh Trần H.

+ Về nuôi con chung: Giao con Trần Phương P, sinh ngày 12/7/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Trần H vắng mặt tại lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn là chị Trần Thanh L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Hôn nhân giữa chị Trần Thanh L và anh Trần H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh H cũng thừa nhận mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng từ tháng 4/2019, anh đã đánh và đuổi chị L đi. Vợ chồng đã ly thân với thời gian kéo dài và hiện tại cũng đang ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh H không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị L. Như vậy,

mâu thuẫn giữa chị L và anh H ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thanh L được ly hôn anh Trần H là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là Trần Phương P, sinh ngày 12/7/2017. Ly hôn, cả chị L và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, cả hai người đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy chị L có việc làm và thu nhập ổn định hơn anh H, con chưa tròn 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của chị L, mặt khác, con đang ở cùng chị L nên cần giữ cuộc sống ổn định cho con. Vì vậy, cần giao con Trần Phương P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tại phiên tòa.

[4] Về tài sản chung: Do chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh H phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thanh L được ly hôn anh Trần H.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Trần Phương P, sinh ngày 12/7/2017 cho chị Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Chị L và anh H có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Chị Trần Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0009655 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

4.2. Anh Trần H phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- UBND phường D, TP.T (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái